

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế cấp, sử dụng và quản lý**  
**mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng**

Quyết định số 38/2007/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 23/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Thanh toán<sup>1</sup>,*

---

<sup>1</sup> Thông tư số 23/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác như sau:”*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.**<sup>2</sup> Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Thanh toán, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các Tổ chức phát hành thẻ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

---

<sup>2</sup> Điều 8 và Điều 9 của Thông tư số 23/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011 quy định như sau:

**“Điều 8. Điều khoản thi hành**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.*

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

*Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”*

**QUY CHẾ  
CẤP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ MÃ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
THẺ NGÂN HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2007/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 10 năm 2007  
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng (sau đây gọi tắt là mã BIN) của các tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam.

2. Việc cấp, sử dụng và quản lý mã BIN của tổ chức thẻ quốc tế đối với tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam có nghiệp vụ phát hành thẻ mang thương hiệu của tổ chức thẻ quốc tế không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, sử dụng và quản lý mã BIN.

**Điều 3. Sử dụng mã BIN**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý cấp mã BIN theo Quy chế này cho các loại thẻ sau:

1. Thẻ do tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam phát hành để giao dịch trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thẻ do tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam phát hành (ngoại trừ thẻ mang thương hiệu của tổ chức thẻ quốc tế) để giao dịch trong và ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Chương II  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Đối tượng được cấp mã BIN**

Đối tượng được cấp mã BIN là ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tín dụng hợp tác và các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng được phép phát hành thẻ ngân hàng (gọi chung là tổ chức phát hành thẻ) theo quy định tại Điều 9 Quy chế phát hành, sử dụng, thanh toán và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 5. Kết cấu mã BIN**

1. Mã BIN là một dãy số có 6 chữ số theo chuẩn ISO/IEC 7812-1:2006(E) của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế và Tổ chức Kỹ thuật điện Quốc tế ban hành năm 2006, có định dạng 9704xx, trong đó:

- a) 04 chữ số đầu tiên của mã BIN phản ánh mã quốc gia của tổ chức phát hành thẻ thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ tại Việt Nam;
- b) 02 chữ số cuối cùng bắt đầu từ số 00 cho đến số 99 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho từng tổ chức phát hành thẻ.

2. Trường hợp kho số (100 số) theo chuẩn ISO/IEC 7812-1:2006(E) quy định tại Khoản 1 Điều này, được cấp hết cho các tổ chức phát hành thẻ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định kết cấu mã BIN mới phù hợp với điều kiện cấp, sử dụng và quản lý mã BIN tại thời điểm đó.

**Điều 6. Thủ tục cấp mã BIN<sup>3</sup>**

1. Khi có nhu cầu được cấp mã BIN, Tổ chức phát hành thẻ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán) 01 Đơn đề nghị cấp mã BIN theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp mã BIN cho tổ chức phát hành thẻ.

**Điều 7. Quản lý mã BIN**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ cấp 01 mã BIN duy nhất cho mỗi tổ chức phát hành thẻ thuộc đối tượng được cấp mã BIN. Tổ chức phát hành thẻ được phép sử dụng các chữ số sau mã số BIN để phân biệt loại sản phẩm, dịch vụ, công nghệ thẻ hoặc vị trí địa lý.

2. Tổ chức phát hành thẻ có sự thay đổi tên giao dịch vẫn được sử dụng mã BIN hiện hành do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, nhưng phải có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thông báo về sự thay đổi tên gọi của đơn vị mình.

3. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày được cấp mã BIN, tổ chức phát hành thẻ phải có trách nhiệm đưa mã BIN vào sử dụng. Nếu tổ chức phát hành thẻ không sử dụng mã BIN theo thời hạn quy định trên thì phải có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ban Thanh toán) đề nghị gia hạn. Thời hạn gia hạn tối đa là 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được đơn đề nghị gia hạn của tổ chức phát hành thẻ.

---

<sup>3</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 23/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

4. Tổ chức phát hành thẻ phải sử dụng mã BIN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp theo đúng mục đích tại đơn đề nghị cấp mã BIN và không được phép chuyển nhượng mã BIN dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Trường hợp các tổ chức phát hành thẻ (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp mã BIN) thực hiện sáp nhập, hợp nhất hoặc mua lại, tổ chức phát hành thẻ hợp thành từ việc sáp nhập, hợp nhất hoặc mua lại nêu trên được lựa chọn 01 mã BIN duy nhất trong số các mã BIN đang sử dụng của các tổ chức phát hành thẻ. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức phát hành thẻ hợp thành có trách nhiệm chuyển đổi các thẻ có mã số BIN không được lựa chọn sang mã số BIN được lựa chọn duy nhất. Hết thời hạn quy định trên, tổ chức phát hành thẻ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mã BIN đã cấp không còn sử dụng.

#### **Điều 8. Thu hồi mã BIN**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu hồi mã BIN đã cấp cho tổ chức phát hành thẻ khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Thông tin, chứng cứ trong hồ sơ xin cấp mã BIN không chính xác hoặc sai lệch;
- b) Tổ chức phát hành thẻ bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động;
- c) Sau thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều 7 mà tổ chức phát hành thẻ không đưa mã BIN vào sử dụng;
- d) Sau thời hạn quy định tại Khoản 5 Điều 7;
- đ) Sử dụng mã BIN sai mục đích đã nêu tại đơn đề nghị cấp mã BIN.

2. Khi thực hiện thu hồi mã BIN, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải ra quyết định thu hồi mã BIN gửi đến tổ chức phát hành thẻ.

#### **Điều 9. Thời điểm áp dụng mã BIN**

1. Đối với các sản phẩm thẻ đã triển khai hoặc đăng ký phát hành trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực, tổ chức phát hành thẻ được phép sử dụng mã BIN cũ (không phải mã BIN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp) đến hết ngày 30/6/2011 hoặc mã BIN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đối với các thẻ phát hành mới thuộc các sản phẩm thẻ này.

2. Kể từ thời điểm Quy chế này có hiệu lực, tổ chức phát hành thẻ có trách nhiệm đưa mã BIN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp vào sử dụng đối với các thẻ phát hành mới thuộc các sản phẩm thẻ mới đăng ký phát hành.

3. Chậm nhất đến ngày 30/6/2011, tất cả tổ chức phát hành thẻ sử dụng mã BIN cũ phải thực hiện các biện pháp sửa đổi cần thiết về hệ thống công nghệ và quy trình nội bộ để chuyển đổi các thẻ sử dụng mã BIN cũ sang các thẻ sử dụng mã BIN được quy định theo Quy chế này.

4. Kể từ ngày 01/7/2011, các tổ chức phát hành thẻ không sử dụng mã BIN theo Quy chế này sẽ bị buộc phải ngừng thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại và rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ mã BIN theo Quy chế này.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 10. Trách nhiệm các Vụ, Cục tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Ban Thanh toán chịu trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này;
- b) Thực hiện cấp, thu hồi mã BIN; Giám sát việc sử dụng mã BIN theo quy định tại Quy chế này;
- c) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế này;
- d) Thông báo bằng văn bản việc cấp hoặc thu hồi mã BIN cho các tổ chức phát hành thẻ;
- đ) Định kỳ 6 tháng công bố danh mục mã BIN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Cục Công nghệ Tin học Ngân hàng chịu trách nhiệm:

- a) Xây dựng chương trình phần mềm phục vụ yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mã BIN;
- b) Phối hợp với Ban Thanh toán trong việc giám sát, kiểm tra sử dụng mã BIN theo quy định tại Quy chế này.

3. Vụ Các Ngân hàng chịu trách nhiệm:

- a) Cung cấp cho Ban Thanh toán các thông tin về việc thành lập và hoạt động đối với tổ chức phát hành thẻ;
- b) Cung cấp cho Ban Thanh toán các thông tin về những thay đổi của tổ chức phát hành thẻ bao gồm phá sản, giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại, thay đổi tên gọi, thu hồi giấy phép hoạt động ngân hàng.

4. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm:

- a) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc sử dụng mã BIN của các tổ chức phát hành thẻ và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Ban Thanh toán;
- b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 11. Trách nhiệm Thủ trưởng đơn vị tổ chức phát hành thẻ**

Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành thẻ chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, kiểm tra việc sử dụng mã BIN tại đơn vị mình theo đúng Quy chế này.

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THẺ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ban Thanh toán)

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng/Giấy phép hoạt động ngân hàng số..... ngày..... tháng..... năm.....;

- Căn cứ Quyết định..... ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ.

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xét cấp mã tổ chức phát hành thẻ (mã BIN) cho tổ chức phát hành thẻ:

1. Tên tổ chức phát hành thẻ:
2. Địa điểm đặt Trụ sở chính:
3. Thời gian dự kiến đưa mã BIN vào sử dụng:
4. Tóm tắt mục đích sử dụng mã BIN gắn với sản phẩm thẻ cụ thể:

Sau khi được cấp mã BIN, chúng tôi cam kết đưa mã BIN vào sử dụng trong thời hạn quy định, đúng mục đích sử dụng và chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng và xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ gửi kèm đơn này.

*Hồ sơ gửi kèm:***Người đại diện theo pháp luật  
của Tổ chức phát hành thẻ**

(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 03/VBHN-NHNN

*Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2014***KT. THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC****Đặng Thanh Bình**